



taxservices.com.vn

Báo cáo tra soát hồ sơ kế toán thuế 2017-2020

Công ty MASIMEX

"Your voice at the taxman"

Mục lục

Trang

Báo cáo tổng hợp

Phân tích chi tiết & dự báo rủi ro

1/ Tuân thủ quy định nội bộ Công ty

2/ Thuế TNDN

3/ Dự án 124 Vĩnh Tuy

4/ Tuân thủ quy định kế toán

Ý kiến tư vấn

BÁO CÁO TỔNG HỢP

Số:

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty MASIMEX

Công ty thuế Tâm Việt trình bày Báo cáo này căn cứ trên báo cáo tài chính được xác nhận của cơ quan thuế cho các năm tài chính giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 và các tài liệu do Quý Công ty cung cấp.

Trách nhiệm của công ty thuế Tâm Việt:

- * Rà soát các khoản thu chi theo quy định nội bộ của Công ty
- * Kiểm tra & dự báo nghĩa vụ thuế có thể sẽ bị truy thuy từ CQT khi kiểm tra thuế.
- * Nêu ý kiến tư vấn kiện toàn hồ sơ thuế tuân thủ pháp luật về thuế và các quy định về kế toán.

Dự báo số tiền rủi ro về thuế và kế toán là:

3,352,229,720 VND (bằng chữ: *Hơn ba tỷ ba trăm năm mươi hai triệu đồng*)

Trong đó:

Phạm vi tra soát	Số tiền	Ghi chú
• Tuân thủ quy định nội bộ Công ty		Bảng #1
• Rủi ro của thuế TNDN	1,048,710,773	Bảng #2
• Dự án 124 Vĩnh Tuy	2,303,518,947	Bảng #3
• Rủi ro tuân thủ pháp luật kế toán	20.000.000	Bảng #4
Tổng cộng	3,352,229,720	

Chúng tôi tin tưởng rằng những tài liệu mà chúng tôi thu thập được từ Quý công ty là nguồn tài liệu chính thức và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến phân tích và đánh giá dưới đây.

-----v-----
Trân trọng ./

Công ty CP Dịch vụ Đại lý thuế và Tư vấn đào tạo Tâm Việt



BẢNG #1: KHÔNG TUÂN THỦ QUY ĐỊNH NỘI BỘ CÔNG TY**Thông kê tổn thất chi tiết**

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi lương thừa so với quy định (*)	4,153,151,867
	<i>Quỹ dự phòng lương</i>	1,069,695,454
	<i>Quỹ lương còn lại</i>	2,318,522,477
	<i>Tiền làm thêm giờ</i>	622,978,879
	<i>Lương phép</i>	141,955,057
2	Chi sai khoản hỗ trợ nhận từ Công ty Tài Tâm	554,895,125
	Tổng cộng từ mục 1-mục 3	4,708,046,992

(*): Không bao gồm lương cơ bản/phép năm/lễ tết/30/4-1/5, lương tháng 13
 Quỹ DP lương năm 2019 chưa chi trong năm 2020

Kết quả rà soát 1: Trích lập và sử dụng Quỹ Dự phòng lương

Chúng tôi thông kê số liệu về trích lập dự phòng quỹ lương của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số trích lập	Số thực tế chi	Còn lại
Quỹ DP lương 2016	191,913,612	191,913,612	-
Quỹ DP lương 2017	263,794,778	263,794,778	-
Quỹ DP lương 2018	359,234,155	359,234,155	-
Quỹ DP lương 2019	254,752,909	254,752,909	-
Quỹ DP lương 2020	-	-	-
Tổng	1,069,695,454	1,069,695,454	-

Việc trích lập quỹ dự phòng tiền lương **KHÔNG** được đề cập trong các văn bản nội bộ sau:

- 1/Điều lệ công ty ban hành tháng 6/2016
- 2/Quy chế tài chính (Công ty không ban hành)
- 3/Quy chế trả lương thưởng và chế độ cho NLĐ ban hành tháng 12/2017
- 4/Nghị quyết họp đại hội cổ đông các kỳ
- 5/Giao kết hợp đồng lao động/phụ lục HĐLĐ đã ký với người lao động

Giai đoạn từ 2017-2020, Công ty **KHÔNG** phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán cho NLĐ do gián đoạn kinh doanh hay ngừng sản xuất hoặc có bằng chứng về sự kiện rủi ro sẽ xảy ra trong tương lai. Do đó, Công ty không cần sử dụng đến quỹ dự phòng tiền lương.

Thực tế sử dụng: Công ty đã sử dụng toàn bộ quỹ dự phòng tiền lương các năm cho các nội dung chi như sau:

Chỉ tiêu	Chi năm 2017	Chi năm 2018	Chi năm 2019	Chi năm 2020	Tổng cộng
Chi hỗ trợ lương cho CBCNV hưởng lương gián tiếp và HĐLĐ theo việc	191,913,612	209,668,008	359,234,155	254,752,909	1,015,568,684
Chi làm thêm giờ cho nhân viên	-	54,126,770	-	-	54,126,770
Tổng	191,913,612	263,794,778	359,234,155	254,752,909	1,069,695,454

* Số dự phòng lương trích vào CP năm 2019 đã thực tế chi trong năm 2020, nhưng theo yêu cầu của KTĐL đã thực hiện điều chỉnh lại treo vào khoản phải thu các cá nhân

Bộ chứng từ kèm theo gồm có phiếu chi hoặc tờ trình được giám đốc Công ty phê duyệt và bảng kê tiền có chữ ký của người nhận

Kết luận

Chúng tôi lưu ý rằng việc sử dụng quỹ dự phòng lương như trên của Công ty có thể phát sinh rủi ro về thuế TNDN khi cơ quan thuế vào kiểm tra/thanh tra

Căn cứ Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại mục 2.6. Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

...b) Các khoản tiền lương, tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty...”

Kết quả rà soát 2: Lỗ hổng kiểm soát trong việc xây dựng kế hoạch tiền lương

1/Chúng tôi nhận thấy Công ty CHUẢ có chốt kiểm soát trong quá trình xây dựng kế hoạch tiền lương dẫn đến có sự chênh lệch giữa quỹ lương kế hoạch và quỹ lương thực tế thực hiện như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
Quỹ lương kế hoạch	1,551,733,991	1,760,951,745	1,838,783,400	1,889,241,682	7,040,710,818
Quỹ lương thực tế trích	1,551,733,991	2,113,142,094	1,498,546,520	964,447,599	6,127,870,204
Chênh lệch (VNĐ)	-	352,190,349	(340,236,880)	(924,794,083)	(912,840,614)
Số lao động kế hoạch	16	16	16	16	
Số lao động thực tế	10	10	10	10	
Chênh lệch (người)	(6)	(6)	(6)	(6)	
Quỹ lương thực tế chi cho NLD	1,625,206,429	2,376,932,883	2,231,147,795	1,354,058,602	7,587,345,709
Lương bình quân KH trả cho 1LD [1]	104,307,000	118,196,000	123,402,000	127,905,000	473,810,000
Lương bình quân TT trả cho 1LD [2]	162,520,643	237,693,288	223,114,780	135,405,860	758,734,571
Chênh lệch (VNĐ) [2]-[1]	58,213,643	119,497,288	99,712,780	7,500,860	284,924,571

Thực tế trong giai đoạn từ 2017-2020, hàng năm công ty chỉ có 10 người lao động, nhưng Công ty luôn xây dựng và tính toán quỹ tiền lương cho 16 người lao động, việc chênh lệch nhân sự này cũng không được công ty rà soát trong một thời gian dài.

Quỹ lương thực tế chi cho NLD bao gồm: tiền lương hàng tháng/tiền làm thêm giờ/lương bổ sung/và chi từ quỹ dự phòng tiền lương. Mức lương thực tế mà NLD nhận được cao hơn nhiều so với điều khoản giao kết trong HĐLĐ nhưng công ty cũng chưa thực hiện ký lại giao kết phụ lục HĐLĐ với NLD

Kết quả rà soát 3: Chưa tuân thủ Điều lệ Công ty về việc chi trả lương cho NLĐ

Theo quy định tại điểm m, Điều 33, bản Điều lệ Công ty Masimex tháng 6/2016 thì mức lương, thưởng của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sẽ do HĐQT quyết định

Thực tế: Chúng tôi không nhận được văn bản/tài liệu/tờ trình hoặc quyết định nào thể hiện mức tiền lương/thưởng chi trả cho Giám đốc/Phó Giám đốc/Kế toán trưởng công ty trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020

Kết quả rà soát 4: Chưa tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết HĐQT về mức lương trả cho NLĐ

Căn cứ điểm g điều 34 Điều lệ Công ty Masimex ban hành tháng 6/2016 thì lương của chủ tịch HĐQT tham gia điều hành công ty sẽ bằng 1.1 lần lương của Giám đốc Công ty.

Căn cứ nghị quyết HĐQT số 32/NQ-HĐQT ngày 2/8/2016 của Công ty MASIMEX tại điều 1 có quy định mức lương tháng của Giám đốc công ty =2,5 lần lương tối thiểu vùng 1 của LĐ đã qua đào tạo.

Thực tế, chúng tôi thống kê như sau:

Thu nhập của chủ tịch HĐQT (2017-2020)	Theo QĐ công ty [1]	Thực tế chi trả [2]	Chênh lệch[2]-[1]
Lương cơ bản	646,668,000	730,276,250	83,608,250
Khoản hỗ trợ lương	-	240,919,246	240,919,246
Khoản bổ sung lương	-	553,329,678	553,329,678
Lương phép	-	32,239,864	32,239,864
Tiền làm thêm giờ	-	135,467,040	135,467,040
Tổng thu nhập	646,668,000	1,692,232,078	1,045,564,078

Thu nhập của Giám đốc (2017-2020)	Theo QĐ công ty [1]	Thực tế chi trả [2]	Chênh lệch[2]-[1]
Lương cơ bản	587,880,000	663,902,500	76,022,500
Khoản hỗ trợ lương	-	219,022,371	219,022,371
Khoản bổ sung lương	-	481,527,141	481,527,141
Lương phép	-	31,926,545	31,926,545
Tiền làm thêm giờ	-	122,661,138	122,661,138
Tổng thu nhập	587,880,000	1,519,039,695	931,159,695

Thu nhập của KTT (2017-2020)	Theo QĐ công ty [1]	Thực tế chi trả [2]	Chênh lệch[2]-[1]
Lương cơ bản	411,516,000	341,422,090	(70,093,910)
Khoản hỗ trợ lương	-	122,204,921	122,204,921
Khoản bổ sung lương	-	231,282,722	231,282,722
Lương phép	-	13,618,818	13,618,818
Tiền làm thêm giờ	-	64,855,049	64,855,049
Tổng thu nhập	411,516,000	773,383,600	361,867,600

Tổng tiền lương thanh toán thừa: **2,338,591,373**

Tư vấn giải pháp

Để đảm bảo tối ưu hoá việc quản trị nội bộ thì Công ty cần ban hành đầy đủ các văn bản nội bộ:

- Quy chế tài chính

- Quy chế lương thưởng và các chính sách tiền lương
- Quy chế tạm ứng và quản lý công nợ phải thu
- Quy chế công vụ hoặc quy chế khoán chi công tác phí
- Và một số văn bản khác

Kết quả rà soát [8]: Khoản chi phí đền bù Dự án Vĩnh Tuy của Tài Tâm

Theo quy định tại Điều 3, phụ lục 0207/2016 ký ngày 12/7/2016 giữa Tài Tâm và Masimex thì Công ty Tài Tâm góp vốn là khoản chi phí hỗ trợ cho người lao động thuộc đơn vị Quản lý của Vĩnh Tuy hiện đang làm việc tại khu đất ngõ 124 Vĩnh Tuy thôi việc do việc triển khai dự án với mức hỗ trợ là: 554.895.125đ, chi phí này sẽ được Tài Tâm chuyển cho Masimex để chi trả cho Người lao động được hưởng.

Tuy nhiên thực tế chúng tôi đang nhận thấy là toàn bộ người lao động đang làm việc tại 124 Vĩnh Tuy vẫn đang làm việc bình thường, nhưng Công ty lại thực hiện chi trả khoản chi này như sau:

HỌ VÀ TÊN	Chức danh	Số tiền thực nhận
Trần Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT	119,220,497
Lưu Đức Khôi	Giám đốc	108,376,450
Nguyễn Thị Nguyệt	TP Kế toán	55,268,628
Nguyễn Thúy Vân	NVHCNS	40,895,264
Nguyễn Thị Kim Loan	PP KT	42,944,028
Nguyễn Dương Thái	Lái xe+NVKT	48,698,176
Nguyễn Đức Thuận	TP KD, DV	58,589,868
Dương Văn Hồng	NV bảo vệ	41,439,467
Lưu Thượng Phong	NV bảo vệ	39,462,747
Tổng thu nhập		554,895,125

Bản chất khoản này là thu nhập khác Công ty và cần được hạch toán tăng lợi nhuận trong kỳ kế toán. Như vậy việc chi trả cho các cá nhân trên đã làm thất thoát của Công ty số tiền tương ứng (Tuy nhiên chúng tôi chưa có đủ tài liệu là các biên bản xác nhận công nợ với bên Tài Tâm, do đó chưa có đủ cơ sở tính rủi ro thuế TNDN/TNCN sẽ phát sinh của khoản thu nhập này)

**BẢNG #2: PHÂN TÍCH CHI TIẾT & DỰ BÁO RỦI RO
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

-----v-----

Dự báo tổn thất:

1,048,710,773 (Bằng chữ: Hơn một tỷ không trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn)

Nguyên nhân gây tổn thất

- | | |
|-----|---|
| [1] | Trích lập và sử dụng Quỹ lương dự phòng tiền lương chưa phù hợp |
| [2] | Chi phí tiền lương làm thêm giờ vượt mức quy định |
| [3] | Chi lương bổ sung, chi lương hỗ trợ cho NLĐ |
| [4] | Hạch toán các khoản phạt chậm nộp thuế vào CPQLDN |
| [5] | Các khoản tạm ứng treo lâu ngày |
| [6] | Chi phí công tác phí |

Thông kê tổn thất chi tiết

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng 4 năm
[1]	Thuế TNDN phát sinh do trích quỹ lương dự phòng	38,382,722	52,758,956	71,846,831	50,950,582	213,939,091
	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	17,847,966	18,755,809	17,674,320	6,954,754	61,232,849
[2]	Thuế TNDN phát sinh từ CP làm thêm giờ	-	18,799,689	-	-	18,799,689
	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	-	6,683,289	-	-	6,683,289
[3]	Thuế TNDN phát sinh từ CP lương bổ sung	84,774,200	166,998,012	148,086,025	44,817,201	444,675,437
	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	39,420,003	59,367,793	36,429,162	6,117,548	141,334,506
[4]	Thuế TNDN phát sinh từ khoản phạt chậm nộp	5,095,993	3,539,423	359,397	-	8,994,813
	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	2,369,637	1,258,265	88,412	-	3,716,313
[5]	Thuế TNDN phát sinh từ khoản tạm ứng	23,825,700	21,789,688	30,782,848	18,413,036	94,811,272
	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	11,078,951	7,746,234	7,572,581	2,513,379	28,911,145
[6]	Thuế TNDN phát sinh từ chi phí công tác phí	-	18,895,145	-	-	18,895,145
	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	-	6,717,224	-	-	6,717,224
	Tổng tiền thuế TNDN phát sinh Từ mục [1]-[6]	152,078,616	282,780,911	251,075,100	114,180,819	800,115,446
	Tổng tiền phạt chậm nộp thuế TNDN	70,716,556	100,528,614	61,764,475	15,585,682	248,595,327
	Tổng tiền thuế TNDN và tiền phạt	222,795,172	383,309,525	312,839,575	129,766,501	1,048,710,773

Diễn giải chi tiết

Kết quả rà soát [1]: Rủi ro thuế trích lập và sử dụng quỹ dự phòng lương

Chúng tôi thông kê số liệu về trích lập dự phòng quỹ lương của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số trích lập	Số thực tế chi	Còn lại
Quỹ DP lương 2016	191,913,612	191,913,612	-
Quỹ DP lương 2017	263,794,778	263,794,778	-
Quỹ DP lương 2018	359,234,155	359,234,155	-
Quỹ DP lương 2019	254,752,909	254,752,909	-
Quỹ DP lương 2020	-	-	-
Tổng	1,069,695,454	1,069,695,454	-

Việc trích lập quỹ dự phòng tiền lương **KHÔNG** được đề cập trong các văn bản nội bộ sau:

1/Điều lệ công ty ban hành tháng 6/2016

2/Quy chế tài chính (Công ty không ban hành)

3/Quy chế trả lương thưởng và chế độ cho NLĐ ban hành tháng 12/2017

4/Nghị quyết họp đại hội cổ đông các kỳ

5/Giao kết hợp đồng lao động/phụ lục HĐLĐ đã ký với người lao động

Giai đoạn từ 2017-2020, Công ty **KHÔNG** phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán cho NLĐ do gián đoạn kinh doanh hay ngừng sản xuất hoặc có bằng chứng về sự kiện rủi ro sẽ xảy ra trong tương lai. Do đó, Công ty không cần sử dụng đến quỹ dự phòng tiền lương.

Thực tế sử dụng: Công ty đã sử dụng toàn bộ quỹ dự phòng tiền lương các năm cho các nội dung chi như sau:

Chỉ tiêu	Chỉ năm 2017	Chỉ năm 2018	Chỉ năm 2019	Chỉ năm 2020	Tổng cộng
Chi hỗ trợ lương cho CBCNV hưởng lương gián tiếp và HĐ LĐ theo việc	191,913,612	209,668,008	359,234,155	254,752,909	1,015,568,684
Chi làm thêm giờ cho nhân viên	-	54,126,770	-	-	54,126,770
Tổng	191,913,612	263,794,778	359,234,155	254,752,909	1,069,695,454

* Số dự phòng lương trích vào CP năm 2019 đã thực tế chi trong năm 2020, nhưng theo yêu cầu của KTĐL đã thực hiện điều chỉnh lại treo vào khoản phải thu các cá nhân

Bộ chứng từ kèm theo gồm có phiếu chi hoặc tờ trình được giám đốc Công ty phê duyệt và bảng kê tiền có chữ ký của người nhận

Kết luận

Chúng tôi lưu ý rằng việc sử dụng quỹ dự phòng lương như trên của Công ty có thể phát sinh rủi ro về thuế TNDN khi cơ quan thuế vào kiểm tra/thanh tra

Căn cứ Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại mục 2.6. Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

...b) Các khoản tiền lương, tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty...”

Quỹ lương thực tế chi cho NLD bao gồm: tiền lương hàng tháng/tiền làm thêm giờ/lương bổ sung/và chi từ quỹ dự phòng tiền lương. Mức lương thực tế mà NLD nhận được cao hơn nhiều so với điều khoản giao kết trong HĐLĐ nhưng công ty cũng chưa thực hiện ký lại giao kết phụ lục HĐLĐ với NLD

Chúng tôi ước tính chi phí thuế TNDN phát sinh như sau:

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
[1]	Quỹ lương dự phòng lương	191,913,612	263,794,778	359,234,155	254,752,909	1,069,695,454
{a}	Thuế TNDN phát sinh	38,382,722	52,758,956	71,846,831	50,950,582	213,939,091
{b}	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	17,847,966	18,755,809	17,674,320	6,954,754	61,232,849
{a+b}	Tổng tiền thuế TNDN và tiền phạt	56,230,688	71,514,764	89,521,151	57,905,336	275,171,940

Kết quả rà soát [2]: Chi phí tiền lương làm thêm giờ vượt mức quy định

Chúng tôi thực hiện thống kê tổng số giờ làm thêm của nhân viên trong năm 2018 như sau:

Tháng/Họ tên nhân viên	Nguyễn Đình Tuấn	Lưu Đức Khôi	Nguyễn T Kim Dung	Nguyễn Thị Nguyệt	Nguyễn T Kim Loan	Nguyễn Thủy Vân	Nguyễn Dương Thái
Tháng 1/2018	7.8	7.8	5.1	8	8	8.4	6
Tháng 2/2018	7	7	7	8.8	8.8	8.6	7.1
Tháng 3/2018	7.1	7.1	6	8.25	7.92	8.75	5.5
Tháng 4/2018	3.5	3.5	3	3.5	4	4	3
Tháng 5/2018	6	6	5	6	6	5.5	5
Tháng 6/2018	3.5	3.5	3	3	3	3.5	3
Tháng 7/2018	3	3	2.5	2.8	2.8	2.5	2.5
Tháng 8/2018	3.5	3.5	3	2.83	2.83	3	2.5
Tổng số ngày năm 2018	41.4	41.4	34.6	43.18	43.35	44.25	34.6
Tổng số giờ năm 2018	331.2	331.2	276.8	345.44	346.8	354	276.8

Điều 106 Bộ luật Lao động 2012 (và điều 107 Bộ luật 2019) quy định, người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ **không quá 200 giờ trong 01 năm**.

Chúng tôi lưu ý rằng chi phí tiền lương làm thêm giờ vượt quá quy định có thể có rủi ro không được miễn thuế TNCN và không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN

Đồng thời hiện tại bộ chứng từ thanh toán tiền làm thêm giờ của Công ty chỉ gồm phiếu chi/bảng kê nhận tiền/bảng chấm công, mà chưa có cụ thể nội dung công việc làm thêm là gì, báo cáo kết quả công việc làm thêm.

Chúng tôi ước tính khoản chi phí làm thêm giờ vượt mức quy định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2018
Tổng chi làm thêm giờ [1]	246,621,635
Tổng số giờ làm thêm [2]	2,262
Tổng số giờ vượt quy định [3]	862
Chi phí làm thêm vượt mức [4]=[1]*[3]/[2]	93,998,443
Thuế TNDN phát sinh 20%*[4]	18,799,689
Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	6,683,289
Tổng tiền thuế TNDN và tiền phạt	25,482,978

Kết quả rà soát [3]: Chi tiền lương tiền công không đúng quy định

Chúng tôi đang nhận thấy ngoài chi phí tiền lương hàng tháng, Công ty còn chi trả thêm cho Người lao động các khoản hỗ trợ, bổ sung lương gián tiếp và được ghi nhận vào chi phí QLDN trong kỳ, số liệu ước tính từ năm 2017-2020 khoảng hơn 2 tỷ đồng

Đồng thời tính đến thời điểm hiện tại Công ty có ban hành Quy chế trả lương thưởng và chế độ cho NLĐ vào tháng 12/2017, Công ty có trình lên HĐQT tờ trình số 32/TTr-BGD-VT ngày 31/3/2017 về thông qua quy chế tiền lương, tiền thưởng. Tuy nhiên chúng tôi chưa nhận được văn bản phê duyệt của HĐQT cho Tờ trình số 32 nêu trên. Như vậy được hiểu là quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty đang áp dụng là không phù hợp với việc Quản trị nội bộ công ty

Chúng tôi lưu ý rằng chi phí lương như trên của Công ty có thể phát sinh rủi ro về thuế TNDN khi cơ quan thuế vào kiểm tra/thanh tra

Căn cứ Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại mục 2.6. Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

...b) Các khoản tiền lương, tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty...”

Chúng tôi ước tính rủi ro thuế phát sinh như sau:

STT	Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng
	Chi bổ sung và hỗ trợ lương	423,871,000	834,990,058	740,430,123	224,086,003	2,223,377,184
{a}	Thuế TNDN phát sinh	84,774,200	166,998,012	148,086,025	44,817,201	444,675,437
{b}	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	39,420,003	59,367,793	36,429,162	6,117,548	141,334,506
{a+b}	Cộng tiền thuế và tiền phạt	124,194,203	226,365,805	184,515,187	50,934,748	586,009,943

(Lưu ý phần này không bao gồm chi phí lương chi từ quỹ dự phòng và chi phí lương của dự án đã ước tính ở mục Dự án)

Kết quả rà soát [4]: Hạch toán các khoản chậm nộp thuế vào CPQLDN

Công ty đang hạch toán các khoản phạt chậm nộp thuế vào CPQLDN như sau:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng 3 năm
Tiền phạt chậm nộp thuế DAVT	25,479,966	17,697,114	1,796,986	44,974,066

Căn cứ khoản 2.36 Điều 4 thông tư 96/2015/TT-BTC quy định về các khoản **chi phí không được trừ** khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN như sau: Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính bao gồm: vi phạm luật giao thông, vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, vi phạm chế độ kế toán thống kê, **vi phạm pháp luật về thuế bao gồm cả**

tiền chậm nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các khoản phạt về vi phạm hành chính khác theo quy định của pháp luật

Chúng tôi ước tính khoản thuế TNDN và khoản chậm nộp thuế TNDN phát sinh như sau:

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng
[3]	Hạch toán các khoản phạt chậm nộp	25,479,966	17,697,114	1,796,986	44,974,066
[a]	Thuế TNDN phát sinh	5,095,993	3,539,423	359,397	8,994,813
[b]	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	2,369,637	1,258,265	88,412	3,716,313
[a+b]	Tổng tiền thuế TNDN và tiền phạt	7,465,630	4,797,688	447,809	12,711,127

(Năm 2020 không phát sinh khoản này)

Kết quả rà soát [5]: Các khoản tạm ứng treo lâu ngày

Số dư công nợ tạm ứng có tuổi nợ từ 1-3 năm tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

Tên đối tượng	1/1/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
Nguyễn Sĩ Tấn	78,062,199	78,062,199	74,072,199	74,072,199
Lê Thị Hà	41,066,302	17,992,983	17,992,983	17,992,983
Lưu Đức Khôi		12,893,256	61,849,056	-
Cộng	119,128,501	108,948,438	153,914,238	92,065,182

1/Đối với quản trị nội bộ: Công ty chưa có quy chế tạm ứng quy định rõ mức chi/đối tượng/nội dung và thời gian hoàn ứng cụ thể cũng như các chế tài cần áp dụng khi cán bộ nhân viên không hoàn ứng đúng quy định, gây lãng phí nguồn lực tài chính của Công ty. Trong trường hợp này Công ty cần rà soát và có thể thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại thông tư 228/2009 ngày 7/12/2009

2/Đối với thuế: Đây là khoản chi phí chưa được ghi nhận của Công ty, có rủi ro là chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN, làm tăng nghĩa vụ thuế phải nộp, chúng tôi ước tính số liệu phát sinh như sau:

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
[4]	Các khoản tạm ứng	119,128,501	108,948,438	153,914,238	92,065,182	474,056,359
[a]	Thuế TNDN phát sinh	23,825,700	21,789,688	30,782,848	18,413,036	94,811,272
[b]	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	11,078,951	7,746,234	7,572,581	2,513,379	28,911,145
[a+b]	Tổng tiền thuế TNDN và tiền phạt	34,904,651	29,535,922	38,355,428	20,926,416	123,722,416

(Trong trường hợp Công ty hoàn ứng bằng tiền, thì cơ quan thuế sẽ tính thuế TNDN trên khoản lãi phát sinh do nhận tiền tạm ứng (bản chất giống như khoản vay, số tiền rủi ro cũng ước tính tương tự như đối với khoản chi phí)

Kết quả rà soát [6]: Chi phí công tác phí

Công ty phát sinh khoản chi phí Công tác phí năm 2018 khoảng hơn 94 triệu đồng, tuy nhiên bộ chứng từ công tác phí chỉ bao gồm vé máy bay hoặc phiếu chi tiền công tác phí. Chúng tôi lưu ý như sau:

1/Đối với quản trị nội bộ: Công ty chưa có quy định về chi phí công vụ, các khoản chi công tác phí chi dựa trên quy định tại văn bản là quy chế lương thưởng của Công ty, tuy nhiên trong quy chế lương thưởng cũng không ghi rõ mức hưởng và điều kiện hưởng theo từng chức danh, cấp bậc.

2/Đối với khía cạnh thuế: Để giảm bớt rủi ro về thuế phát sinh do khoản chi phí công tác phí này có rủi ro không được cơ quan thuế chấp nhận, Công ty cần bổ sung thêm các chứng từ:

- Quyết định cử đi công tác nêu rõ cán bộ được cử đi công tác/thời gian/địa điểm/phương tiện
- Giấy đi đường (công lệnh) có xác nhận của nơi đi và nơi đến công tác
- Các hoá đơn trong quá trình công tác: hoá đơn phòng nghỉ/khách sạn

Chúng tôi ước tính khoản thuế TNDN có thể có rủi ro phát sinh như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2018
Chi phí công tác phí	94,475,724
Thuế TNDN phát sinh 20%	18,895,145
Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	6,717,224

Kết quả rà soát [7]: Hạch toán khoản phí QLDN

1/Hạch toán khoản phí phát sinh từ hợp đồng HTĐT

Chúng tôi đang nhận thấy công ty đang hạch toán khoản Thanh toán tiền góp vốn bằng giá trị nợ theo HĐHTĐT số 01/HĐHTLD/2014 vào TK 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
22/05/2019	0029NT	Thanh toán tiền góp vốn bằng giá trị nợ theo HĐHTĐT số 01/HĐHTLD/2014	11212	642	1,583,000
22/05/2019	0029NT	Thanh toán tiền góp vốn bằng giá trị nợ theo HĐHTĐT số 01/HĐHTLD/2014	11212	642	1,811,621

2/Hạch toán các khoản chi phí của dự án Phố Nối vào CPQLDN

Công ty đang hạch toán khoản chi phí trả trước của dự án Phố Nối vào TK 642-CP QLDN

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
30/06/2017	KC1	KC chi phí trả trước dự án PN	642	242	10,000,000

Hai khoản chi phí này có thể chi cần thực hiện phân loại lại

Kết quả rà soát [8]: Khoản chi phí đền bù dự án của Tài Tâm

Theo quy định tại Điều 3, phụ lục 0207/2016 ký ngày 12/7/2016 giữa Tài Tâm và Masimex thì Công ty Tài Tâm góp vốn là khoản chi phí hỗ trợ cho người lao động thuộc đơn vị Quản lý của Vĩnh Tuy hiện đang làm việc tại khu

đất ngõ 124 Vĩnh Tuy thôi việc do việc triển khai dự án với mức hỗ trợ là: 554.895.125đ, chi phí này sẽ được Tài Tâm chuyển cho Masimex để chi trả cho Người lao động được hưởng.

Tuy nhiên thực tế chúng tôi đang nhận thấy là toàn bộ người lao động đang làm việc tại 124 Vĩnh Tuy vẫn đang làm việc bình thường, nhưng Công ty lại thực hiện chi trả khoản chi này như sau:

HỌ VÀ TÊN	Chức danh	Số tiền thực nhận
Trần Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT	119,220,497
Lưu Đức Khôi	Giám đốc	108,376,450
Nguyễn Thị Nguyệt	TP Kế toán	55,268,628
Nguyễn Thúy Vân	NVHCNS	40,895,264
Nguyễn Thị Kim Loan	PP KT	42,944,028
Nguyễn Dương Thái	Lái xe+NVKT	48,698,176
Nguyễn Đức Thuận	TP KD, DV	58,589,868
Dương Văn Hồng	NV bảo vệ	41,439,467
Lưu Thượng Phong	NV bảo vệ	39,462,747
Tổng thu nhập		554,895,125

Bản chất khoản này là thu nhập khác Công ty và cần được hạch toán tăng lợi nhuận trong kỳ kế toán. Tuy nhiên chúng tôi chưa đủ cơ sở ước tính khoản thuế TNDN sẽ phát sinh từ khoản này do chưa có biên bản xác nhận giữa Tài Tâm và Masimex.

BẢNG #3: DỰ ÁN 124 VĨNH TUY

-----v-----

Dự báo tổn thất:

2,303,518,947 VNĐ (Bằng chữ: Hơn hai tỷ ba trăm triệu đồng)

Nguyên nhân gây tổn thất

- | | |
|-----|--|
| [1] | Không ghi nhận doanh thu khi xuất hoá đơn GTGT |
| [2] | Sử dụng bất hợp pháp hoá đơn |
| [3] | Ghi nhận thiếu giá vốn |
| [4] | Các khoản chi phí dự án không phù hợp |
| [5] | Bộ chứng từ ghi giảm tài sản cố định |

Kết quả rà soát [1]&[2]: Không ghi nhận doanh thu/Sử dụng bất hợp pháp hoá đơn GTGT

Theo quy định tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0106/HDDT/2010 ngày 1/6/2010 và các phụ lục đính kèm ký bổ sung thì Masimex được nhận 16% tổng diện tích đất và toàn bộ diện tích sàn xây dựng (là nhà ở thương mại đã hoàn thiện) trên diện tích đất được chia, tương ứng với 05 căn nhà và 1 phần căn chung

Cũng theo thoả thuận tại Hợp đồng hợp tác thì Masimex có nghĩa vụ góp vốn bằng giá trị lợi thế Quyền sử dụng đất tại dự án Vĩnh Tuy, toàn bộ tiền sử dụng đất một lần và các chi phí khác thuộc dự án sẽ do bên Công ty Tài Tâm góp.

Như vậy, đối với dự án này thì Masimex sẽ thu được lợi nhuận là toàn bộ giá trị 05 căn nhà và 1 phần căn chung, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và giá trị xây dựng hoàn thiện theo suất đầu tư. Số liệu cụ thể chúng tôi ước tính như sau:

Vị trí lô đất	Diện tích	Diện tích sàn XD	Giá trị xây dựng	Giá trị QSD đất	Cộng giá trị căn hộ
LK1.5	58.0	307.0	1,928,709,091		
LK1.6	56.3	298.7	2,009,973,636		
LK2.1	55.8	292.2	1,942,303,636		
LK2.25	54.9	290.8	1,995,051,818		
LK2.26	55.8	292.2	1,942,303,636		
Tổng [1]	280.8	1,480.9	9,818,341,817.0	8,344,739,200	18,163,081,017
LK2.9 (chung)	54.9	290.8	1,995,051,818	1,635,580,800	3,630,632,618
<i>Phần của Masimex [2]</i>	<i>20.4</i>	<i>108.1</i>	<i>741,330,730.2</i>	<i>607,756,800.0</i>	<i>1,349,087,530</i>
<i>Phần còn lại của Tài Tâm</i>	<i>34.5</i>	<i>182.7</i>	<i>1,253,721,087.8</i>	<i>1,027,824,000.0</i>	<i>2,281,545,088</i>
LN ước tính [1]+[2]	301.2	1,589.0	10,559,672,547.2	8,952,496,000.0	19,512,168,547.2

Ngày 7/3/2019 Công ty thực hiện xuất hoá đơn GTGT và hạch toán bút toán Nợ TK3388-Phải trả khác/Có TK241-XDCB: 8.344.739.200 VNĐ. Chúng tôi lưu ý các điểm sau:

1/ Công ty thực hiện xuất hoá đơn GTGT nhưng không thực hiện ghi nhận doanh thu tính thuế TNDN, là chưa phù hợp với quy định của luật Thuế

Về thời điểm xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, khoản 2 Điều 16 Thông tư 39/2014/TT_BTC hướng dẫn hoá đơn GTGT quy định:

"Ngày lập hóa đơn đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền"

Theo quy định tại Điều 3 Thông tư 96/2015/TT_BTC, thời điểm ghi nhận doanh thu đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.

Như vậy đối với trường hợp bán hàng hóa, thời điểm xuất hóa đơn là thời điểm ghi nhận doanh thu

⇒ Rủi ro Cơ quan thuế sẽ truy thu 20% thuế TNDN đối với khoản doanh thu này (do công ty đã xuất hoá đơn GTGT), số tiền ước tính là: $8.344.739.200 \times 20\% = 1.668.947.840\text{VNĐ}$

⇒ Rủi ro tiền phạt chậm nộp từ ngày 7/3/2019 đến 31/3/2021 là: **378.016.686 VNĐ**

2/Công ty thực hiện xuất hoá đơn GTGT nhưng thực tế không có hoạt động mua bán hàng hoá giữa Công ty và Tài Tâm, bản chất khoản này là tiền sử dụng đất mà Tài Tâm trả cho Công ty

Theo quy định tại điều 22, Thông tư 39/2014/TT_BTC hoá đơn GTGT thì lập hoá đơn đối với các giao dịch mua bán hàng hoá dịch vụ không có thật (lập hoá đơn khống) được coi là hành vi sử dụng bất hợp pháp hoá đơn. Quy định cũng chia ra hai mức xử lý vi phạm như sau:

1/ Trường hợp sử dụng hóa đơn khống nhằm mục đích trốn thuế, gian lận thuế

Căn cứ vào Khoản 5, Điều 11, Thông tư số 10/2014/TT-BTC, Bộ Tài chính đã quy định việc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn **không** nhằm mục đích trốn thuế, gian lận thuế, thì đơn vị kinh doanh sẽ phải chịu phạt từ **20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng**

2/ Trường hợp sử dụng hóa đơn khống nhằm mục đích trốn thuế, gian lận thuế

Căn cứ vào Điều 200, Mục 2 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, ban hành ngày 27/11/2015, các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế từ 100 triệu đồng trở lên thì đơn vị kinh doanh đó sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành vi này của mình. Cụ thể:

+ Phạt tiền từ 100-500 triệu hoặc phạt tù 3 tháng- 2 năm đối với các cá nhân thực hiện một trong những hành vi trốn thuế được quy định bởi pháp luật, với số tiền từ 100 - 300 triệu đồng hoặc dưới 100 triệu nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã bị kết án tội này hoặc các tội trong quy định tại các Điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

+ Phạt tiền từ 500 triệu - 1,5 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 1-3 năm tù đối với các trường hợp phạm tội trốn thuế quy định tại Khoản 2, Điều 200, Mục 2 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

+ Phạt tiền từ 1,5 - 4,5 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 2-7 năm đối với trường hợp phạm tội trốn thuế từ 1 tỷ đồng trở lên

Chúng tôi cũng lưu ý rằng Công ty đã thực hiện xuất hoá đơn GTGT giá trị QSD đất cho 05 căn nhà được chia từ dự án Vĩnh Tuy, thì sau này khi Công ty bán ra cho Khách hàng, nếu xuất hoá đơn thêm 1 lần nữa thì sẽ bị trùng, và nếu không xuất hoá đơn thì cũng không đủ cơ sở để ghi nhận đủ doanh thu của giao dịch bán 05 căn nhà

Kết quả rà soát [3]: Ghi nhận thiếu giá vốn của căn chung bán cho Tài Tâm

Theo thông tin Hợp đồng số 2.9/2018/TT-MASIMEX ngày 28/12/2018 thì Masimex sẽ bán cho Tâm căn LK2.9 với thông tin như sau:

Vị trí lô đất: LK2.9 mẫu M1

Diện tích đất: 54,9m²

Số tầng: 5 tầng và 1 tum

Diện tích sàn xây dựng: 279.9m²

Chúng tôi giả định 2 trường hợp sau:

TH1: Công ty ghi nhận doanh thu cho toàn bộ 54,9m² nhưng ghi nhận giá vốn cho 20,4m², phần thiếu như sau:

Số HĐ	Ngày	Diễn giải	Giá vốn [1]	Giá xây dựng trên HĐ tổng thầu [2]	Chênh lệch giá vốn[2]-[1]
11	7/3/2019	HĐBH giá trị nhà ở xây thô và hoàn thiện mặt ngoài theo Hợp đồng số 2.9/2018/TT-MASIMEX ngày 28/12/2018	728,193,914	1,995,051,818	1,266,857,904
12	7/3/2019	HĐBH giá trị nhà ở xây thô và hoàn thiện mặt ngoài theo Hợp đồng số 2.9/2018/TT-MASIMEX ngày 28/12/2018	1,635,580,800		
		Tổng	2,363,774,714		1,266,857,904

TH2: Công ty ghi nhận doanh thu cho toàn bộ 54,9m² thì sẽ bị lỗ do giá bán thấp hơn giá xây dựng, như sau:

Số HĐ	Ngày	Diễn giải	Doanh thu	Giá xây dựng trên HĐ tổng thầu [2]	Chênh lệch lỗ [2]-[1]
11	7/3/2019	HĐBH giá trị nhà ở xây thô và hoàn thiện mặt ngoài theo Hợp đồng số 2.9/2018/TT-MASIMEX ngày 28/12/2018	1,363,636,364	1,995,051,818	631,415,454
12	7/3/2019	HĐBH giá trị nhà ở xây thô và hoàn thiện mặt ngoài theo Hợp đồng số 2.9/2018/TT-MASIMEX ngày 28/12/2018	1,635,580,800		
		Tổng	2,999,217,164	1,995,051,818	631,415,454

Đồng thời, Công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích bán cho Tài Tâm, mà đang xuất hoá đơn toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất.

Kết quả rà soát [4]: Các khoản chi phí Dự án

Theo quy định tại điều 3, Phụ lục 0207/PLHD/2016 ngày 12 tháng 07 năm 2016 thì Masimex có nghĩa vụ góp vốn bằng giá trị lợi thế quyền sử dụng đất, Công ty Tài Tâm góp bằng toàn bộ các chi phí thực hiện dự án

Tuy nhiên chúng tôi đang nhận thấy Công ty đang ghi nhận các khoản chi phí sau vào chi phí dự án:

Khoản mục chi phí	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng
Chi phí tiền lương, tiền công	151,427,774	318,171,076	173,352,000	93,295,000	736,245,850
Chi phí tiếp khách	6,352,000	12,369,800			18,721,800
Chi phí VPP		21,520,000	1,910,000		23,430,000
Cộng	157,779,774	352,060,876	175,262,000	93,295,000	778,397,650

Việc ghi nhận các khoản chi phí này có rủi ro sẽ bị cơ quan thuế loại ra khỏi chi phí được trừ khi tính giá vốn của Dự án Vĩnh Tuy. Chúng tôi tạm ước tính số liệu rủi ro sẽ phát sinh đến ngày 31/3/2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng
	Chi phí dự án	157,779,774	352,060,876	175,262,000	93,295,000	778,397,650
[a]	Thuế TNDN phát sinh	31,555,955	70,412,175	35,052,400	18,659,000	155,679,530
[b]	Phạt chậm nộp tính đến 31/3/2021 vs tỷ lệ 0,03%/ngày	14,673,519	25,031,528	8,622,890	2,546,954	50,874,891
[a+b]	Cộng tiền thuế và tiền phạt	46,229,474	95,443,703	43,675,290	21,205,954	206,554,421

Tư vấn giải pháp (trao đổi trực tiếp)

Kết quả rà soát [5]: Bộ chứng từ thanh lý tài sản cố định

Ngày 31/12/2018 Công ty có ghi nhận bút toán giảm tài sản cố định Nợ TK214/Có TK211: 646,974,462đ. Tài sản này là toàn bộ nhà kho cũ trên đất của Dự án Vĩnh Tuy.

Tuy nhiên qua kiểm tra bộ chứng từ, chúng tôi chưa nhận thấy như sau:

1/Biên bản bàn giao số 195/2016/BBBG-MASIMEX-TT ngày 7/11/2016 nhưng đến ngày 31/12/2018 Công ty mới thực hiện ghi giảm tài sản cố định trên sổ sách kế toán (TSCĐ đã khấu hao hết nên không ảnh hưởng đến chi phí khấu hao)

2/Bộ chứng từ giảm tài sản **chưa** có các tài liệu sau:

- Quyết định thành lập hội đồng xử lý tài sản
- Tài liệu chứng minh tài sản đã hết khấu hao không còn giá trị sử dụng (BB kiểm kê đánh giá hiện trạng tài sản tại thời điểm xử lý)
- Tài liệu chứng minh xử lý tài sản không thu được giá trị lợi ích kinh tế nào (ảnh chụp tài sản, quá trình phá dỡ tài sản)

Tư vấn giải pháp

Công ty nên bổ sung đầy đủ các tài liệu chứng minh việc xử lý giảm tài sản không mang lại lợi ích kinh tế cho công ty:

- Quyết định thành lập hội đồng xử lý tài sản
- BB kiểm kê đánh giá hiện trạng tài sản tại thời điểm xử lý)
- Ảnh chụp tài sản, quá trình phá dỡ tài sản
- Chi phí thuê phá dỡ tài sản

BẢNG #4 : KHÔNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ KẾ TOÁN

-----v-----

Dự báo tổn thất

Mức tổn thất cao nhất cả ba năm là 20 triệu (*Bảng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn*)

Nguyên nhân gây tổn thất

-
- | | |
|------------|--|
| [1] | Chênh lệch số liệu trên BCTC đã kiểm toán với sổ sách kế toán chi tiết |
| [2] | Các tài khoản vẫn còn số dư |
| [3] | Hạch toán sai nội dung tài khoản kế toán |
-

Thông kê tổn thất chi tiết

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2019	Cơ sở
[1]	Hạch toán sai nội dung tài khoản	5tr đến 10tr	5tr đến 10tr	Mục 1, Điều 10 Nghị định 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ: Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán
	Tổng cộng	Từ 5tr đến 10tr	Từ 5tr đến 10tr	

Kết quả rà soát [1]: Hạch toán sai tài khoản kế toán

1/Hạch toán khoản hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi năm 2019

Chúng tôi hạch nhận thấy Công ty đang ghi nhận khoản hoàn nhập DP phải thu khó đòi do đã thu được tiền ghi giảm tài khoản chi phí DN, việc hạch toán như vậy chưa đúng với hướng dẫn của Thông tư 133/2016 về chế độ kế toán DN vừa và nhỏ vì bản chất khoản này là do thu được nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng trước đó

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
28/12/2019	000011	Hoàn nhập dự phòng theo BB ngày 31/12/2019	2293	642	9,978,000
31/12/2019	HNDP1	Hoàn nhập dự phòng theo BB ngày 31/12/2019	642	2293	-651,177,603

2/Hạch toán khoản doanh thu cho thuê văn phòng năm 2017

Công ty đang hạch toán khoản doanh thu cho thuê văn phòng vào tài khoản 1388-Phải thu khác là chưa phù hợp với hướng dẫn tại Điều 16/Điều 17-Thông tư 133/2016 về chế độ kế toán DN vừa và nhỏ. Tổng số tiền phát sinh là Nợ TK1388/Có TK51132: 349.578.194 VNĐ

Theo hướng dẫn tại Điều 16. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu, Thông tư 133/2016 thì Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán do đó khoản phải thu từ dịch vụ cho thuê văn phòng của Công ty không thuộc phạm vi khoản phải thu khác.

3/ Hạch toán chi phí trả trước dài hạn từ 2017-2020

Căn cứ nội dung tại bản án số 41/2015/KDTM-PT ngày 7/5/2015 về tranh chấp hợp đồng liên kết và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì:

1/ MASIMEX phải trả cho Công ty TNHH Thương Mại và Trang trí nội thất Trung Á giá trị công trình còn lại trên đất khu đất Phú Thụy là 1.784.706.550đ và phần LN đã nhận là 427.500.000đ. Tổng khoản phải trả Trung Á là: **2.212.206.550đ**

2/ MASIMEX phải thu từ Trung Á là tiền bồi thường và tiền thuê đất từ năm 2000 đến tháng 2/2017, tổng khoản phải thu Trung Á là: **1.871.313.042đ**

⇒ Bù trừ công nợ thì Masimex phải trả cho Trung Á là: **340.893.508đ** và được nhận về tài sản cố định là Công trình trên khu đất Phú Thụy

Tuy nhiên MASIMEX đang hạch toán như sau:

1/Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định đối ứng với giảm chi phí trả trước dài hạn theo bút toán sau:

Ngày 1/5/2017: Nợ TK 211/Có TK 3388: 1.784.706.550đ

Ngày 1/1/2018: Nợ TK 3388/Có TK 242: 1.784.706.550đ

Bút toán hạch toán này dẫn đến việc phân bổ thiếu chi phí trên TK242, do tại thời điểm 31/12/2018 TK242-có số dư =0, đồng nghĩa với việc các khoản chi phí trả trước dài hạn khác chưa được phân bổ vào chi phí trong kỳ, nghĩa là Công ty đang ghi thiếu chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ.

2/Khoản phải trả Trung Á đang hạch toán là: Nợ TK 242-CP trả trước dài hạn/Có TK1388-Phải thu khác: **340.893.508đ**. Bút toán này dẫn đến giảm số dư công nợ phải thu khác của các đối tượng khác.

Tư vấn giải pháp

Chúng tôi đề nghị xem xét và hạch toán các Bút toán (BT) như sau:

BT1: Phần LN đã nhận từ Công ty Trung Á, đã hạch toán

Nợ TK 112/Có TK 421: 427.500.000 VNĐ

BT2: Tiền thuê đất đã nộp

Nợ TK 642-CPQLDN (kc vào TK42-LN)/Có TK 112: 1.252.285.150+489.298.292

BT3: Khoản tiền LN đã nhận nay MASIMEX phải trả Trung Á

Nợ TK421/Có TK331(338): 427.500.000VNĐ

BT4: Ghi nhận tài sản cố định là khoản phải trả Trung Á

Nợ TK211/Có TK331(338): 1.784.706.550 VNĐ

BT5: Khoản tiền bồi thường và tiền thuê đất đã nộp mà Trung Á phải trả Masimex

Nợ TK 131(138)/Có TK421: 129.729.600 + 1.252.285.150+ 489.298.292.

⇒ Vậy bù trừ công nợ phải thu/phải trả thì Masimex còn phải trả cho Trung Á là **340.893.508**

4/Hạch toán sai tài sản cố định vô hình

Chúng tôi đang nhận thấy ngày 1/5/2017 Công ty phát sinh chi phí thuê Công ty Luật Thủy Nguyên cung cấp dịch vụ pháp lý vụ việc đòi quyền sử dụng đất và chi phí để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội số tiền 1.104.583.000đ, nhưng đang được hạch toán vào TK2113-TSCĐ vô hình thay vì hạch toán và trình bày trên chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác"

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 04-TSCĐ vô hình thì tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn:

+ *Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;*

+ Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;

+ Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;

+ Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Cũng theo quy định tại Thông tư 45/2013-TT-BTC hướng dẫn về tài sản cố định thì tất cả các khoản chi phí thực tế mà DN đã chi ra nếu thoả mãn đồng thời cả 3 tiêu chuẩn dưới đây mà không hình thành TSCĐ hữu hình thì được coi là TSCĐ vô hình

+ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

+ Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;

+ Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên

Như vậy dịch vụ pháp lý mà Công ty Luật cung cấp không thoả mãn điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình

Tư vấn giải pháp:

Công ty thực hiện điều chỉnh sang ghi nhận vào CP trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí

5/Hạch toán thiếu chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty đang hạch toán khoản chi phí thuê luật sư khởi kiện Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ thuật National Fortune vào chỉ tiêu tài sản dài hạn khác, thay vì ghi nhận vào chi phí quản lý Doanh nghiệp trong kỳ kế toán 2020, số tiền 200trđ, việc này làm cho lợi nhuận năm 2020 của Công ty tăng lên tương ứng là 200 triệu

6/Ghi nhận khoản phải thu khác

Công ty đang ghi nhận và trình bày khoản phải thu về tiền lương và thưởng của một số cá nhân thực tế đã chi, số tiền 478.838.912đ

Ý KIẾN TƯ VẤN

1. Giải pháp phòng tránh phạt vi phạm hành chính(*trao đổi trực tiếp*)
2. Giải pháp phòng tránh phạt chậm nộp (*trao đổi trực tiếp*)
3. Giải pháp điều chỉnh cho các năm tiếp theo